

**GHI NHẬN MỚI HAI LOÀI THUỘC GIỐNG *ACANTHASPIS*
AMYOT & SERVILLE, 1843 (HETEROPTERA: REDUVIIDAE: REDUVIINAE)
CHO VIỆT NAM**

TRƯƠNG XUÂN LAM

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Giống *Acanthaspis* là một giống lớn, phân họ Reduviinae thuộc họ bọ xít ăn sâu Reduviidae được công bố bởi Amyot & Serville (1843), với loài chuẩn là *Acanthaspis sexguttata* Fabricius, 1775 [3]. Trên thế giới, giống *Acanthaspis* đã được nhiều tác giả đi sâu nghiên cứu về phân loại và hình thái mà điển hình là Stål (1859) và Distant (1909) đã ghi nhận và mô tả 40 loài thuộc giống này [2, 9]. Gần đây, danh lục của 110 loài thuộc giống *Acanthaspis* đã được Maldonado Capriles (1990) và Pustkov, Pustkov (1996) công bố [6, 8]. Hsiao (1976) và Hsiao & Ren (1981) lên khóa định loại và mô tả 11 loài ở Trung Quốc, trong đó phần lớn các loài có phân bố ở gần phía Bắc Việt Nam [4, 5].

Ở Việt Nam, cho đến nay các loài thuộc giống *Acanthaspis* còn rất ít được biết đến, chỉ có 2 loài mới được ghi nhận *A. ruficeps* Hsiao và *A. quinquespinosa* (Fabricius) dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh đoạn từ Quảng Bình tới Quảng Nam (Đặng Đức Khương, 2007) [7]. Chính vì vậy, để làm phong phú thêm các loài thuộc giống *Acanthaspis*, góp phần cho việc xuất bản động vật chí sau này, trong bài báo này chúng tôi đưa ra mô tả hình thái của 2 loài được ghi nhận mới cho khu hệ bọ xít ăn sâu ở Việt Nam thuộc giống *Acanthaspis*. Tất cả các kích thước đều được đo là mm. Công trình nghiên cứu này được hỗ trợ của đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống mã số 6.021.06 của Bộ khoa học và Công nghệ .

**Giống *Acanthaspis* Amyot & Serville,
1843**

Acanthaspis Amyot & Serville, 1843, p.336.
Loài chuẩn: *Acanthaspis sexguttata* Fabricius 1775, p. 832.

Tetroxia Amyot & Serville, 1843, p.334.
Loài chuẩn: *Tetroxia spinifera* Beauvois, 1805, p.15.

Mardania Stål, 1859, 16: p.189. Loài chuẩn:
Mardania ornata Thunberg 1822, 3: p.4.

Đặc điểm chẩn loại: cơ thể dài, có dạng hình elíp. Đầu hơi chúi về phía trước, chiều dài phân trước của mắt xấp xỉ hoặc gần bằng chiều dài phân sau mắt. Đường vân ngang của mảnh lưng ngực trước (pronotum) nằm lệch ở phía trước, chùy trước của mảnh lưng ngực trước có những vân rõ nét, không có gai, vành ngoài của chùy sau của mảnh lưng ngực trước có gai hoặc có mấu cứng nhô ra ở góc cạnh. Đỉnh cuối của mảnh mai (scutellum) có dạng gai. Mặt bụng của đốt đùi chân trước có dạng gai, chân trước và đốt ống chân giữa có phần mềm xốp như bọt biển.

Giống *Acanthaspis* Amyot & Serville ở Việt Nam cho đến nay mới chỉ ghi nhận được 4 loài bao gồm 2 loài đã được công bố là *A. ruficeps* Hsiao và *A. quinquespinosa* (Fabricius) và 2 loài được ghi nhận lần đầu tiên trong bài báo này là *Acanthaspis geniculata* Hsiao và loài *Acanthaspis subinermis* Hsiao

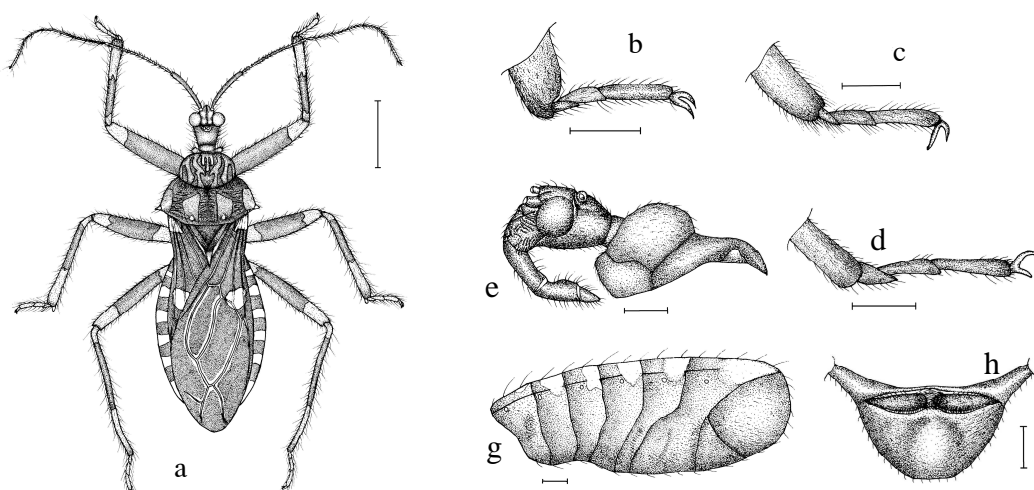
**1. *Acanthaspis geniculata* Hsiao, 1976
[hình 1(a~h)]**

Acanthaspis geniculata Hsiao, 1976. Acta Entomol. Sinica, 19, pp. 80, 82, 91. Fig. 6

Mô tả: Cơ thể nhìn chung có màu đen, được bao phủ bởi lông dài màu vàng nâu nhạt. Đốt gốc của đốt râu đầu, hai cạnh bên của mắt đơn, đốt vòi thứ 3, góc cạnh bên của mảnh lưng ngực trước, hai vết dọc dài, thuộc chùy sau của mảnh lưng ngực trước, phần gai của mảnh mai, đốt chuyển của chân, phân gốc và đỉnh của đốt đùi,

phần đầu của đốt ống, đốt bàn, một nửa của góc sau của phần gờ bên của bụng (connexivum) và vân cánh trước đều có màu đỏ hung. Phần trước của mảnh đệm cánh nửa (corium) và hai vết tròn rộng ở gần cuối của mảnh đệm cánh nửa thuộc cánh trước có màu vàng nâu. Đầu hình thuôn, có chiều dài xấp xỉ chiều dài của mảnh lưng ngực trước, có nhiều lông tơ rải rác và các lông dài ở phần sau mắt, chiều dài phần trước mắt xấp xỉ chiều dài phần sau mắt, phần đỉnh đầu có rãnh dọc hẹp chạy dọc theo chiều ngang và rất sâu ở phía trước mắt đơn, phần sau mắt kép có rãnh ngang ngắn nằm dọc theo chiều rộng của đầu, phần giữa 2 mắt kép gồ cao, 2 mắt đơn có kích thước trung bình và lồi lên. Râu đầu (anten) có chiều dài trung bình, được bao phủ bởi lông tơ dày đặc ở đốt thứ 2, 3 và đốt thứ 4, đốt thứ 1 rải rác lông ngắn có chiều dài bằng đường kính đốt, đốt thứ 3 và thứ 4 rải rác các lông cứng dài, đốt thứ 1 của râu đầu mập nhất, chiều dài của đốt thứ 2 gần bằng đốt thứ 3, đốt thứ 4 mảnh và có chiều dài ngắn nhất. Mắt kép có kích thước trung bình, rộng có dạng tròn, hướng ra phía ngoài của đầu (hình 1a), mắt đơn nhỏ và có khoảng cách gần nhau. Vòi mập và ngắn, có lông dài rải rác, đốt thứ 2 và 3 của vòi hướng tới đốt ngực trước, chiều dài đốt thứ 1 của vòi xấp xỉ bằng đốt thứ 2, đốt thứ 3 của vòi ngắn nhất và nhọn (hình 1e). Mảnh lưng ngực trước phát triển, bao phủ bởi lông tơ ngắn trừ phần vân hoa lõm xuống thuộc chùy trước, chùy trước tách biệt với chùy sau, phồng nhô cao với các lông cứng ngắn rải rác,

chiều dài của chùy trước hơi ngắn hơn chiều dài của chùy sau, mặt trên của chùy trước có các vân lõm, tròn và tạo thành hố lõm rất sâu ở giữa cạnh sau của chùy trước, chùy sau rộng và có nhiều nếp nhăn ngắn và rõ, cuối góc cạnh bên có 4 mấu cứng ngắn nhô ra, cạnh sau thẳng ở giữa. Trên bề mặt của chùy sau có 4 mảng rộng lớn khác màu, có hình nón và hình thang, bề mặt của chùy sau có lông cứng dài rải rác (hình 1e). Mảnh mai rộng, có gai dài và hướng thẳng lên phía trên. Chân có kích thước trung bình, được phủ bởi nhiều lông cứng dài, đốt đùi chân trước và chân giữa có chiều dài gần bằng chiều dài đốt ống, đốt ống chân trước bẹt ở phần cuối đốt, đốt đùi và đốt ống có 2 phần dạng khuyên khác màu rất rõ rệt, phần dạng khuyên ngắn ở phía phần đầu đốt và phần khuyên dài ở phía phần cuối đốt. Đốt bàn có nhiều lông cứng, bàn chân có 3 đốt, đốt thứ 3 có chiều dài dài nhất, đốt thứ nhất có chiều dài ngắn nhất, móng dài và nhọn (hình 1b, 1c, 1d). Cánh dài vượt quá đỉnh của bụng, vân cánh rõ nét, chiều dài của ô vân cánh lớn hơn so với chiều rộng, trên mặt cánh trước có 2 phần khác màu bao gồm phần đầu của góc mảnh đệm cánh nửa và hai vết tròn rộng ở gần cuối của mảnh đệm cánh nửa ở cánh trước (hình 1a). Bụng thon và ngắn, có lông rải rác ở đốt cuối, các đốt bụng tách biệt và rõ nét, phân rìa gờ bên của bụng có kích thước trung bình, được phủ bởi lông tơ ngắn, các đốt tách biệt (hình 1g). Bộ phận sinh dục của con đực nhỏ và lặn sâu bên trong (hình 1h), dương cụ bẹt và ngắn.



Hình 1. *Acanthaspis geniculata* Hsiao, 1979 (♂)

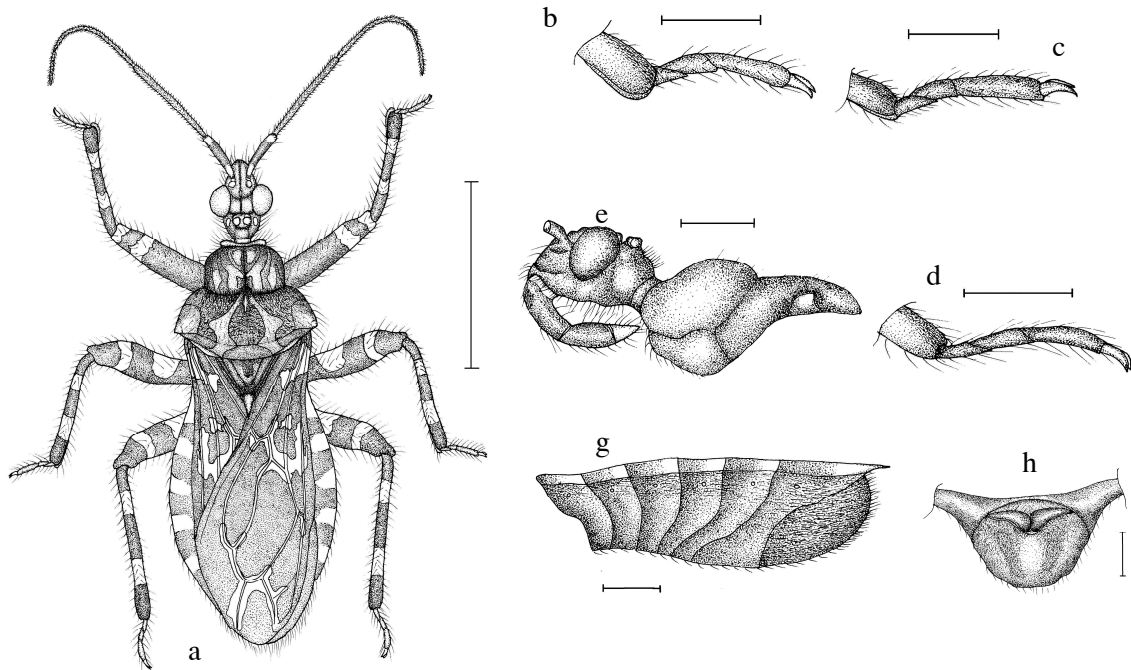
a. Toàn thân (thước đo = 5 mm); b, c, d. Đốt chân trước, giữa và sau; e. Đầu và ngực nhìn nghiêng; g. Các đốt bụng nhìn nghiêng; h. Sinh dục đực nhìn thẳng. b~h (thước đo = 1 mm).

Kích thước (♂): chiều dài cơ thể 20,34-21,72 mm. Chiều dài của đầu 3,14-3,21 mm, phần trước mắt dài 0,89-1,10 mm và phần sau mắt dài 1,03-1,20 mm, khoảng cách giữa 2 mắt kép rộng 0,68-0,75 mm. Mảnh lưng ngực trước dài 4,21-4,71 mm, rộng 6,01-6,21 mm, chùy trước mảnh lưng ngực trước dài 2,01-2,14 mm và chùy sau dài 2,40-2,56 mm. Mảnh mai dài 1,38-1,42 mm. Cánh màng dài 13,81-14,29 mm, rộng

5,32-5,51 mm. Tỷ lệ chiều dài của các đốt râu I: II: III: IV = 2,71-2,85: 4,01-4,28: 5,92: 3,42 mm. Tỷ lệ chiều dài của các đốt vòi I: II: III = 1,72-1,78: 1,38-1,42: 0,68-0,71 mm.

Vật liệu nghiên cứu: 1 ♂, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, 1100 m, 11/V/2005; 1 ♂, vườn quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, 800 m, 7/10/2002.

Phân bố: Việt Nam, Trung Quốc.



Hình 2. *Acanthaspis subinermis* Hsiao, 1976 (♂)

a. Toàn thân (thước đo = 5 mm); b, c, d. Đốt chân trước, giữa và sau; e. Đầu và ngực nhìn nghiêng; g. Các đốt bụng nhìn nghiêng; h. Sinh dục đực nhìn thẳng. b~h (thước đo = 1 mm)

2. *Acanthaspis subinermis* Hsiao, 1976 [hình 2 (a~h)]

Acanthaspis subinermis Hsiao, 1976. Acta Entomol. Sinica, 19, pp. 80, 90. Fig. 2.

Mô tả: Cơ thể nhìn chung có màu đen, được bao phủ bởi lông dài màu vàng tro. Vệt dài ở phần sau mắt, mắt đơn và kép, phần gốc và phần đầu của đốt thứ 1 của râu đầu, đốt thứ 3 của vòi, một phần vân hoa trên mảnh lưng ngực trước, cuối gai của mảnh mai, hoa văn trên cánh trước, 2 vân hình tròn khuyết của đốt đuôi (không phải là toàn bộ hình tròn khuyết ở gần gốc), 2 vân

hình tròn khuyết của đốt ống, đốt bàn và phần sau của các đốt gờ bên của bụng (connexivum) đều có màu vàng. Đầu hình thuôn, có kích thước trung bình, chiều dài ngắn hơn chiều dài của mảnh lưng ngực trước, được bao phủ bởi các lông dài ở dưới đầu và cổ, phần đầu phía trước mắt hơi dài hơn phần sau mắt, phần trước đầu có rãnh dọc hẹp và sâu chạy dọc theo chiều ngang của phần đỉnh đầu, phía sau mắt kép có rãnh ngang rộng và sâu chạy dọc theo chiều rộng của đầu. Râu đầu có chiều dài trung bình, được phủ bởi lông ngắn, đốt thứ nhất to nhất, đốt thứ 2 dài nhất. Mắt kép to, rộng có dạng tròn, hướng ra phía ngoài của đầu, mắt đơn nhỏ và cách xa nhau

(hình 1a). Vòi có lông cứng dài rải rác, mập, đốt thứ 2 và 3 thẳng và hướng dài tới cổ, chiều dài đốt thứ 1 của vòi bằng đốt thứ 2, đốt thứ 3 của vòi ngắn nhất. Mảnh lưng ngực trước phát triển, chiều dài gần bằng chiều rộng, chùy trước và chùy sau cách biệt, chiều dài của chùy trước gần bằng chiều dài của chùy sau, chùy trước phồng lên, có lông cứng dài rải rác, mặt trên của chùy trước có 3 vân lõm sâu rõ nét, ở giữa gần cạnh sau của chùy trước có hình lõm sâu hình cánh bướm, chùy sau rộng và có nhiều nếp nhăn ngắn, cuối góc cạnh bên có mấu cứng ngắn nhỏ ra, cạnh sau thẳng ở giữa và cong ở 2 bên, bề mặt của chùy sau có 4 mảng rộng, dài khác màu rất rõ nét, 2 mảng ở 2 bên cạnh bên có hình nón và 2 mảng ở gần giữa kéo dài, bề mặt của chùy sau có lông cứng dài rải rác (hình 2e). Mảnh mai rộng, có gai mập và hướng thẳng lên phía trên. Chân có kích thước trung bình và có lông cứng dài rải rác, đốt đùi mập, chiều dài của đốt đùi của chân trước và giữa gần bằng chiều dài của đốt ống, đốt ống có 2 vân hình tròn khuyên rõ nét, đốt đùi có 1 vân hình tròn khuyên rõ nét và 1 vân hình tròn không trọn vẹn ở gần sát gốc của đốt đùi. Bàn chân có 3 đốt, đốt thứ 3 có chiều dài dài nhất, đốt thứ nhất có chiều dài ngắn nhất (hình 2b, 2c, 2d). Cánh có nhiều hoa văn và dài vượt quá đỉnh của bụng. Vân cánh rõ nét, chiều dài của ô vân cánh lớn hơn so với chiều rộng. Bụng rộng và nhẵn, có một vài lông tơ dài, các đốt bụng tách biệt và rõ nét, phân rìa gờ bên của bụng rộng, được phủ bởi lông tơ ngắn, các đốt tách biệt (hình 2g). Bộ phận sinh dục của con đực tròn, dương cụ cong xuống dưới, nhìn chung là khó nhìn (hình 2h).

Kích thước (♂): Chiều dài cơ thể 13,21 mm. Chiều dài của đầu 2,35 mm, phần trước mắt dài 0,69 mm và phần sau mắt dài 0,51 mm, khoảng cách giữa 2 mắt kép rộng 0,55. Mảnh lưng ngực trước dài 3,10 mm, rộng 3,92 mm, chùy trước mảnh lưng ngực trước dài 1,37 mm và chùy sau dài 1,75 mm. Mảnh mai dài 1,07 mm. Cánh màng dài 9,28 mm và rộng 3,57 mm. Tỷ lệ chiều dài của các đốt râu I: II: III: IV = 1,41: 2,75: 3,54: 0,93 mm. Tỷ lệ chiều dài của các đốt vòi I: II: III = 0,94: 0,76: 0,50 mm.

Vật liệu nghiên cứu: 1 ♂, Sa Pa, tỉnh Lào Cai, 1200 m, 22/VI/2002.

Phân bố: Việt Nam, Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Amyot & Serville**, 1843: Histoire naturelle des Insectes. Hemiptera. Librairie Encyclopedique de Roret. Paris: Fain et Thunot. LXXXVI: 1-336.
2. **Distant W. L.**, 1909: Rhynchotal notes. 65. Oriental Rhynchota Heteroptera. Annals and Magazine of Natural History, (8)3: 491-507.
3. **Fabricius J. C.**, 1775: Systema entomologiae. Flensburgi & Lipsiae, 5: XXI: 832.
4. **Hsiao**, 1976: Acta Entomol. Sinica, 19: 77-93.
5. **Hsiao T. Y. and Ren S. Z.**, 1981: Reduviidae in: Hsiao at ell, A hand book for the determination of the Chinese Hemiptera: Heteroptera (II). Beijing: Science Press: 390-538.
6. **Maldonado Capriles**, 1990: Systematic catalogue of the Reduviidae of the world (Insect: Hereroptera). A special edition of Caribbean Journal of Science: 1-694.
7. **Đặng Đức Khương**, 2007: Thành phần loài bọ xít (Heteroptera) dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh nhánh Tây từ Quảng Bình tới Quảng Nam: 128. Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, hội nghị khoa học toàn Quốc lần thứ 2.
8. **Pustkov V. G. and Pustkov P. V.**, 1996: Family Reduviidae Latreille, 1807. Assassin bug. In: Aukema, B. and Rieger, C. Catalogue of the Heteroptera of Palaearctic Region, Vol.2. Amsterdam: the Netherlands Entomological Society: 148-265.
9. **Stål C.**, 1859: Till Kännedomen om Redviini. Oef. Vet. Ak. Foerh., 16: 175-204.

**TWO SPECIES OF THE GENUS *ACANTHASPIS* AMYOT ET SERVILLE, 1843
(HETEROPTERA: REDUVIIDAE: REDUVIINAE) NEWLY RECORDED
FROM VIETNAM**

TRUONG XUAN LAM

SUMMARY

The big-sized genus *Acanthaspis* Amyot et Serville, 1843 (Reduviidae: Reduviinae) is diverse in the tropical areas of African and Oriental Regions. About 110 species have been known in the world (Amyot & Serville, 1843, Amyot & Serville, 1843, Amyot & Serville, 1843, Hsiao, 1976, Maldonado Capriles, 1990).

In the fauna of Vietnam so far only 2 species *A. ruficep* Hsiao and *A. quinquespinosa* (Fabricius) of genus *Acanthaspis* have been recorded (Dang Duc Khuong, 2007), in this present paper two species *Acanthaspis geniculata* Hsiao, 1976 (fig. 1 a~h) and *Acanthaspis subnermis* Hsiao, 1976 (fig. 2 a~h) of the genus *Acanthaspis* belong to subfamily Reduviinae are newly recorded and describe for the fauna of Vietnam. This research is supported by Natural Science Foundation of Vietnam (No. 6.021.06).

Ngày nhận bài: 25-3-2008